

Số: /KL - QLR

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

V/v cập nhật diễn biến rừng năm 2021

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Cục Kiểm lâm đang phối hợp với Dự án tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2) để thực hiện nâng cấp phần mềm và dữ liệu cập nhật diễn biến rừng (FRMS), trong đó gồm một số hoạt động chính: cải thiện một số chức năng FRMS, phối hợp với các địa phương cập nhật ranh giới hành chính có thay đổi và chuẩn hóa dữ liệu phù hợp với quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều tra kiểm kê và theo dõi cập nhật diễn biến rừng.

Để đảm bảo tiến độ cập nhật, báo cáo diễn biến rừng năm 2021 và các hoạt động liên quan đến cải thiện FRMS, Cục Kiểm lâm đề nghị Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố khẩn trương thực hiện một số hoạt động như sau:

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu về điều chỉnh ranh giới hành chính cấp xã, huyện, tỉnh gồm: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về điều chỉnh ranh giới hành chính; dữ liệu số gồm: bản đồ hành chính (xã, huyện, tỉnh), số liệu diện tích tự nhiên các đơn vị hành chính, kèm báo cáo thuyết minh chi tiết về thay đổi ranh giới hành chính của từng đơn vị. Thời gian gửi tài liệu về Cục Kiểm lâm trước ngày 02/11/2021. Những địa phương gửi sau ngày 02/11/2021 sẽ không kịp điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu FRMS.

2. Cập nhật, báo cáo diễn biến rừng năm 2021

- Sử dụng phần mềm cập nhật diễn biến rừng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 4539/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/11/2017 để cập nhật diễn biến rừng và tổng hợp báo cáo năm 2021. Phần mềm được đăng tải trên trang web Tổng cục Lâm nghiệp, tại địa chỉ: <http://tongcuclamnghiep.gov.vn/LamNghiep/Index/he-thong-csdlung-dungphan-mem-3658>

- Rà soát tất cả các diện tích rừng trồng, diện tích khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng để cập nhật, tính toán tỷ lệ che phủ rừng, gồm: diện tích trồng rừng trước năm 2019, diện tích khoanh nuôi tái sinh trước năm 2017. Đối với diện tích rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp, đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 108 Luật Lâm nghiệp. Đối với diện tích rừng trồng ngoài quy hoạch lâm nghiệp, cần tổ chức rà soát, xác định cụ thể mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tỉnh, làm cơ sở theo dõi diễn biến rừng hàng năm.

- Tổng hợp kết quả cập nhật diễn biến rừng, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và báo cáo theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018, trong đó làm rõ nguyên nhân tăng, giảm diện tích rừng (Phụ biểu kèm theo).

3. Phối hợp chặt chẽ với phòng Quản lý bảo vệ rừng - Cục Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm các vùng và Dự án tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2) để triển khai thực hiện trong suốt quá trình cải thiện FRMS và cập nhật ranh giới hành chính, chuẩn hóa dữ liệu (*Yêu cầu về nội dung, tiến độ chi tiết trong phụ lục kèm theo*).

Cục Kiểm lâm đề nghị Chi cục Kiểm lâm tỉnh báo cáo về Cục Kiểm lâm số 02, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; cử cán bộ đầu mối phối hợp với Cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCT Bùi Chính Nghĩa (để b/c);
- Cục trưởng Nguyễn Hữu Thiện (để b/c);
- Sở NN&PTNT (để chỉ đạo);
- CCKL Vùng (để phối hợp);
- Dự án SNRM2; Ban QLDALN;
- Lưu: VT, QLR.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Đình Thơm

PHỤ LỤC 01

Cập nhật ranh giới hành chính và chuẩn hóa dữ liệu theo dõi diễn biến rừng
(Kèm theo Văn bản số /KL-QLR ngày tháng năm 2021 của Cục Kiểm lâm)

I. SỰ CẦN THIẾT

Phần mềm theo dõi cập nhật diễn biến rừng (Phần mềm FRMS), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 4539/QĐ-BNN-TCLN ngày 6/11/2017. Phần mềm đã được cài đặt, vận hành ở tất cả các Hạt Kiểm lâm cấp huyện, chi cục Kiểm lâm tỉnh có rừng trong toàn quốc. Quy định của phần mềm là cập nhật biến động rừng theo địa giới hành chính và đồng bộ lên cơ sở dữ liệu trung tâm để tổng hợp các cấp.

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14, ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, đến thời điểm hiện tại nhiều địa phương đã hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Vì vậy, những địa phương có thay đổi ranh giới phải được điều chỉnh, cập nhật trong hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng, nhằm đảm bảo thống nhất trong hồ sơ quản lý rừng và đất lâm nghiệp từ Trung ương tới địa phương.

Được sự hỗ trợ kỹ thuật của Dự án tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (viết tắt SNRM2), hỗ trợ cho Tổng cục Lâm nghiệp cải thiện hệ thống theo dõi diễn biến rừng, trong đó gồm: hỗ trợ phát triển FRMS phù hợp với Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, hỗ trợ cập nhật ranh giới hành chính cho các địa phương có thay đổi ranh giới hành chính.

II. MỤC TIÊU

- Cập nhật ranh giới hành chính vào cơ sở dữ liệu trung tâm và FRMS Desktop (đối với những địa phương có thay đổi ranh giới hành chính).
- Cơ sở dữ liệu diễn biến rừng được chuẩn hóa phù hợp với Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.
- Phần mềm FRMS được cải thiện (cải thiện chức năng đồng bộ, bảo mật và biểu tổng hợp báo cáo).

III. NỘI DUNG CẬP NHẬT RANH GIỚI HÀNH CHÍNH VÀ CHUẨN HÓA CẤU TRÚC DỮ LIỆU THEO THÔNG TƯ 33/2018/TT-BNNPTNT

1. Điều chỉnh ranh giới hành chính

Các thông tin chính:

- Sáp nhập ranh giới hành chính của 2 hoặc nhiều hơn 2 xã thành 1 xã (trong cùng huyện).
- Chia tách ranh giới hành chính 1 xã thành 02 hoặc nhiều hơn 02 xã (trong cùng huyện).
- Tách một phần của xã, sáp nhập vào xã bên cạnh (trong cùng huyện).
- Chuyển xã từ huyện này sang huyện khác (trong cùng tỉnh).
- Đổi tên đơn vị hành chính các cấp: cấp xã, cấp huyện, tên đơn vị tỉnh.
- Sáp nhập 02 đơn vị cấp huyện thành 1 đơn vị cấp huyện.
- Sáp nhập 02 đơn vị cấp tỉnh thành 01 đơn vị cấp tỉnh.
- Tách một phần của xã, sáp nhập vào xã bên cạnh (khác huyện, khác tỉnh).

2. Nội dung chuẩn hóa dữ liệu phù hợp với Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT

- Chuẩn hóa tên, mã loại đất loại rừng;
- Chuẩn hóa mục đích sử dụng rừng theo 3 loại rừng;
- Chuẩn hóa nhóm và loại chủ quản lý rừng;
- Chuẩn hóa loại nguyên nhân biến động;

3. Chuẩn hóa lỗi dữ liệu (lỗi hình học, thuộc tính)

Chuẩn hóa một số lỗi hình học, thuộc tính để không ảnh hưởng quá trình đồng bộ dữ liệu.

IV. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Cập nhật ranh giới hành chính

1.1. Thu thập thông tin, dữ liệu ranh giới hành chính thay đổi

Thực hiện: Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh chủ trì thu thập thông tin, dữ liệu về điều chỉnh ranh giới hành chính của địa phương;

Tiếp nhận: Cục Kiểm lâm. Hạn cuối cùng đến 02/11/2021

Rà soát dữ liệu: Dự án SNRM2

Dữ liệu gồm:

- Văn bản pháp lý của cơ quan có thẩm quyền về điều chỉnh ranh giới hành chính trên địa bàn tỉnh (văn bản Quốc hội/ Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, UBND tỉnh và Ban ngành có liên quan);

- File bản đồ ranh giới hành chính xã, huyện, tỉnh mới phủ trùm toàn tỉnh. Dữ liệu bản đồ ở dạng số, đọc được bằng các phần mềm GIS thông dụng (QGIS, ArcGIS, MapInfo), hệ quy chiếu VN2000 với kinh tuyến trục phù hợp địa

phương theo quy định; dữ liệu hành chính được tiếp biên chính xác giữa các xã, giữa xã và huyện, giữa huyện và tỉnh. Dữ liệu thuộc tính của bản đồ gồm:

+ Thông tin xã: Tên xã cũ, tên xã mới, mã xã cũ, mã xã mới, diện tích xã cũ, diện tích xã mới;

+ Thông tin huyện: Tên huyện cũ, tên huyện mới, mã huyện cũ, mã huyện mới, diện tích huyện cũ, diện tích huyện mới;

+ Thông tin tỉnh: tên tỉnh, mã tỉnh, diện tích tỉnh cũ, diện tích tỉnh mới

Diện tích tính bằng ha.

- Tài liệu thuyết minh chi tiết mô tả thông tin thay đổi ranh giới hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh;

- Hình thức gửi dữ liệu: Chi cục Kiểm lâm tỉnh gửi dữ liệu theo đường dẫn <http://frmsform.vnforest.gov.vn> (*Hướng dẫn phụ lục 02*)

Chú ý: những địa phương cung cấp đủ các thông tin về thay đổi ranh giới hành chính mới đủ điều kiện để cập nhật vào cơ sở dữ liệu FRMS.

1.2. Đồng bộ dữ liệu cập nhật diễn biến rừng vào cơ sở dữ liệu trung tâm và gửi dữ liệu Postgres để cập nhật ranh giới hành chính cho tỉnh (áp dụng đối với những tỉnh đã gửi ranh giới hành chính mới trước 02/11/2021)

- Chỉ đạo: Chi cục Kiểm lâm tỉnh có thay đổi ranh giới hành chính.

- Thực hiện: tất cả các Hạt kiểm lâm cấp huyện.

- Hỗ trợ: Dự án SNRM2; Chi cục Kiểm lâm vùng.

- Nội dung

+ Cập nhật diễn biến rừng; Đồng bộ dữ liệu về cơ sở dữ liệu trung tâm;

+ Gửi dữ liệu theo đường dẫn <http://frmsform.vnforest.gov.vn> (*Hướng dẫn phụ lục 02*).

Dữ liệu gửi gồm:

+ 04 biểu số liệu tổng hợp xuất ra từ phần mềm FRMS Desktop (các biểu trong nhóm báo cáo "Thông tư 26" của phần mềm);

+ Thư mục Postgres của **tất cả các huyện** (đối với huyện có nhiều máy tính thực hiện cập nhật diễn biến thì gửi riêng từng file Postgres và kê khai xã tương ứng của bản Postgres đó);

+ Báo cáo thuyết minh mô tả chi tiết tình trạng đồng bộ dữ liệu, gồm: đồng bộ thành công hay không thành công, tình trạng lỗi (ảnh chụp màn hình máy tính của giao diện hiển thị lỗi), thời điểm cập nhật gần nhất, cập nhật diễn biến rừng từ những tài khoản nào và cho những xã/phường/thị trấn nào).

Thời hạn đồng bộ và gửi dữ liệu chậm nhất ngày **10/11/2021**.

Việc cập nhật ranh giới hành chính được thực hiện trên nền hiện trạng rừng của địa phương ở thời điểm gần nhất. **Trong thời gian Cục Kiểm lâm và**

dự án SNRM2 hỗ trợ cập nhật ranh giới hành chính, địa phương tạm dừng cập nhật diễn biến rừng cho đến khi hoàn thành cập nhật lớp ranh giới hành chính và thông tin cho địa phương để tiếp tục cập nhật diễn biến rừng năm 2021 (thời gian tạm dừng cập nhật diễn biến rừng dự kiến khoảng 10 ngày).

1.3. Kiểm tra và cập nhật dữ liệu hành chính mới vào cơ sở dữ liệu

Chỉ đạo: Cục Kiểm lâm

Thực hiện: Dự án SNRM2, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Hạt Kiểm lâm huyện

Phối hợp: Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Chi cục Kiểm lâm vùng.

Nội dung:

a) Dự án SNRM2

- Kiểm tra dữ liệu ranh giới hành chính mới, dữ liệu hiện trạng rừng của địa phương.

- Thay thế dữ liệu ranh giới hành chính cũ trong FRMS bằng ranh giới mới;

- Tách lô rừng và cập nhật thông tin cho lô theo đơn vị hành chính mới.

- Gửi thư mục Postgres (đã được cập nhật ranh giới hành chính và tách lô theo ranh giới hành chính), biểu báo cáo tổng hợp số liệu cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh để chỉ đạo, kiểm tra và thống nhất.

- Thực hiện cập nhật ranh giới hành chính mới vào cơ sở dữ liệu trung tâm (của Tổng cục Lâm nghiệp) sau khi đã thống nhất với Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

b) Chi cục Kiểm lâm tỉnh chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện

- Tải phần mềm FRMS Desktop phiên bản 3.0.6 trên trang web Tổng cục lâm nghiệp (phiên bản trắng chưa có dữ liệu hiện trạng rừng), sử dụng tính năng "Tải dữ liệu lần đầu" để tải dữ liệu hiện trạng rừng của huyện từ cơ sở dữ liệu trung tâm (dữ liệu đã được cập nhật ranh giới hành chính mới);

- Tiếp tục thực hiện cập nhật diễn biến rừng năm 2021.

2. Sửa lỗi dữ liệu, chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu phù hợp với Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT

2.1. Sửa lỗi dữ liệu và chuẩn hóa dữ liệu

Chỉ đạo, giám sát: Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh;

Thực hiện: Hạt Kiểm lâm cấp huyện và Dự án SNRM2;

Hỗ trợ: Chi cục Kiểm lâm vùng;

Nội dung:

a) Hạt Kiểm lâm cấp huyện (tất cả các huyện có rừng toàn quốc)

- Cập nhật diễn biến rừng năm 2021, kết hợp sửa lỗi dữ liệu (nếu có).

- Đồng bộ dữ liệu lên cơ sở dữ liệu trung tâm; tổng hợp các biểu báo cáo diễn biến rừng (chốt số liệu đến ngày 31/12/2021 theo quy định).

- Gửi dữ liệu Postgres và biểu báo cáo tổng hợp theo đường dẫn <http://frmsform.vnforest.gov.vn> (*Hướng dẫn phụ lục 02*).

Do năm 2021 là năm thực hiện nâng cấp hệ thống FRMS nên cần thu thập file Postgres của tất cả các huyện (gồm cả huyện đã đồng bộ thành công) để phục vụ đối chiếu trong quá trình nâng cấp phần mềm và cơ sở dữ liệu.

Dữ liệu gửi gồm:

+ 04 biểu số liệu tổng hợp xuất ra từ phần mềm (các biểu trong nhóm báo cáo "Thông tư 26" của phần mềm);

+ Thư mục Postgres;

+ Báo cáo thuyết minh mô tả chi tiết tình trạng dữ liệu, gồm: đồng bộ thành công hay không thành công, tình trạng lỗi (ảnh chụp màn hình máy tính của giao diện hiển thị lỗi), thời điểm cập nhật diễn biến rừng gần nhất, cập nhật diễn biến rừng từ những tài khoản nào và cho những xã/phường/thị trấn nào).

Đến ngày 05/01/2022, những huyện không gửi dữ liệu sẽ không kịp chuẩn hóa dữ liệu theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

b) Dự án SNRM2

- Hỗ trợ hướng dẫn các địa phương sửa lỗi dữ liệu, đồng bộ dữ liệu;

- Chuẩn hóa dữ liệu cho toàn bộ cơ sở dữ liệu trung tâm phù hợp với Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

2.2. Kiểm tra dữ liệu sau chuẩn hóa

- Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm thực hiện kiểm tra dữ liệu

V. THÔNG TIN PHỐI HỢP

1. Cục Kiểm lâm

- Ông Nguyễn Danh Thanh Hải, Phó trưởng phòng QL BVR, điện thoại: 0983.767810; email: hai@kiemlam.org.vn.

2. Dự án (SNRM2)

- Ông Hoàng Việt Anh - Tư vấn kỹ thuật (phụ trách), điện thoại: 0987 657416, anh.hv@gfd.com.vn

- Ông Vũ Văn Thái - Tư vấn kỹ thuật, điện thoại: 0854 992929, thai.vv@gfd.com.vn.

3. Chi cục Kiểm lâm các vùng

a) Chi cục Kiểm lâm Vùng I:

- Ông Hoàng Duy Tùng, ĐT: 0987256678; tung.hoang198@gmail.com

- Ông Vũ Quyền, ĐT 0356234558, email: vuquyenklv1@gmail.com

b) Chi cục Kiểm lâm Vùng II: Ông Nguyễn Hữu Huân, Trưởng phòng nghiệp vụ 2, điện thoại 0919 920656; email: huanklv2@gmail.com

c) Chi cục Kiểm lâm Vùng III: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa, điện thoại: 0916369886; Email: kimthoaccklv3@gmail.com

d) Chi cục Kiểm lâm Vùng IV:

- Ông Lương Thế Phương, điện thoại: 0903 587172, email: phuong.klv4@gmail.com.

- Ông Nguyễn Quang Thịnh, điện thoại: 0983 180789, email: tinh.nguyenquang1989@gmail.com.

PHỤ LỤC 02. Hướng dẫn gửi dữ liệu

Bước 1: Truy cập đường dẫn <http://frmsform.vnforest.gov.vn/>

Trang web này được xây dựng để các Chi cục kiểm lâm tỉnh, Hạt Kiểm lâm cấp huyện gửi dữ liệu hành chính và dữ liệu Postgres diễn biến rừng về Cục Kiểm lâm theo nội dung hướng dẫn ở Bước 4.

Bước 2: Chọn **Đăng ký** để tạo mới tài khoản.

- Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh: mỗi tỉnh tạo 1 tài khoản duy nhất dùng để gửi dữ liệu hành chính (nếu có thay đổi) và kiểm tra dữ liệu do Hạt Kiểm lâm cấp huyện gửi;
- Hạt Kiểm lâm cấp huyện: nếu có nhiều cán bộ thực hiện cập nhật diễn biến trên các máy tính khác nhau (mỗi cán bộ phụ trách 1 số xã) thì mỗi cán bộ tạo 1 tài khoản. Tài khoản cấp huyện dùng để gửi dữ liệu Postgres tới Cục Kiểm Lâm.

Bước 3: Nhập các thông tin để đăng ký tài khoản

* Với tài khoản cấp tỉnh

- Tỉnh: Chọn theo danh sách
- Họ và tên:
- Số điện thoại:
- Email:
- Tên đăng nhập (tên riêng viết liền không dấu):
- Mật khẩu (tạo mật khẩu mới bất kỳ, khuyến nghị không sử dụng mật khẩu của email):

* Với tài khoản cấp huyện

- Tỉnh: Chọn theo danh sách
- Huyện: chọn theo danh sách
- Họ và tên:
- Số điện thoại:
- Email:
- Tên đăng nhập (tên riêng viết liền không dấu):
- Mật khẩu (tạo mật khẩu mới bất kỳ, khuyến nghị không sử dụng mật khẩu của email):

(Họ và tên, điện thoại, email: nên sử dụng thông tin của cán bộ FRMS để thuận tiện trong quá trình hỗ trợ).

Bước 4: Điền thông tin vào biểu mẫu để gửi dữ liệu

Biểu mẫu này dùng để trao đổi thông tin về dữ liệu của từng tỉnh, huyện và gắn với đầu mối liên hệ của mỗi đơn vị, nhằm giúp các bên phối hợp với nhau nhanh nhất, hiệu quả nhất.

- Dữ liệu gửi theo FORM này, gồm tất cả các dữ liệu đã quy định trong phụ lục 01, gồm: ranh giới hành chính (quy định tại Mục IV 1.1), dữ liệu FRMS

(quy định tại Mục IV 1.2), dữ liệu FRMS (quy định tại mục IV 2.1 a). Các dữ liệu này phải được **upload trước đó lên Google Drive (hoặc 1 dịch vụ lưu trữ file khác) và chia sẻ đường link công khai vào biểu mẫu.**

4.1. Gửi dữ liệu ranh giới hành chính mới

Chi cục kiểm lâm tỉnh thực hiện:

- Nhập các đường link dẫn tới file chứa các tài liệu liên quan đến ranh giới hành chính như trong form yêu cầu.

4.2. Gửi dữ liệu Postgres (lần 1), (áp dụng cho các tỉnh đã hoàn thiện thu thập và gửi dữ liệu hành chính cho Cục Kiểm Lâm), thực hiện trước 10/11/2021

Hạt Kiểm lâm thực hiện, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh giám sát, đôn đốc

- Tỉnh: không cần chọn vì đã gắn với tài khoản
- Huyện: không cần chọn vì đã gắn với tài khoản.
- Xã: Chọn xã tương ứng với bộ Postgres gửi lên

+ Nếu huyện chỉ có 1 Postgres duy nhất: **Chọn tất cả các xã**

+ Nếu huyện có nhiều cán bộ thực hiện cập nhật trên nhiều máy tính khác nhau thì phải gửi riêng từng bộ Postgres và mỗi bộ dữ liệu này **chọn các xã tương ứng**. Đây là *nội dung rất quan trọng cần thực hiện đúng để đảm bảo việc đồng bộ dữ liệu không bị thiếu, hoặc chồng đê giữa các phiên bản Postgres của cùng 1 huyện.*

- Nhập đường link Google Drive (hoặc 1 dịch vụ lưu trữ file) chứa file Postgres đã nén (định dạng .rar hoặc .zip). Để đẩy nhanh quá trình upload và xử lý dữ liệu đề nghị không gửi toàn bộ thư mục FRMS mà chỉ gửi riêng file nén của thư mục Postgres. Sau khi điền xong các trường dữ liệu thì chọn **OK** để gửi.

4.3. Gửi dữ liệu Postgres lần 2 trước ngày 5/1/2021 (áp dụng cho tất cả các huyện có rừng toàn quốc)

Hạt Kiểm lâm thực hiện, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh giám sát, đôn đốc

Cách thực hiện tương tự như mục 4.1 nhưng áp dụng cho tất cả các huyện có rừng trên toàn quốc, kể cả các huyện đã gửi dữ liệu lần 1 tại Bước 4.1.

- Tỉnh: không cần chọn vì tài khoản đã gắn với tỉnh
- Huyện: không cần chọn vì tài khoản đã gắn với huyện
- Xã: Chọn xã tương ứng với bộ Postgres

+ Nếu huyện chỉ có 1 Postgres duy nhất: **Chọn tất cả các xã**

+ Nếu huyện có nhiều cán bộ thực hiện cập nhật trên nhiều máy tính khác nhau thì phải gửi riêng từng bộ Postgres và mỗi bộ dữ liệu này chọn các xã tương ứng. Đây là *nội dung rất quan trọng cần thực hiện đúng để đảm bảo việc đồng bộ dữ liệu không bị thiếu, hoặc chồng đê giữa các phiên bản Postgres của cùng 1 huyện.*

- Nhập các đường link Google Drive (hoặc 1 dịch vụ lưu trữ file) chứa file Postgres đã nén (*định dạng .rar hoặc .zip*). Để đẩy nhanh quá trình upload và xử lý dữ liệu đề nghị không gửi toàn bộ thư mục FRMS mà chỉ gửi riêng file nén của thư mục Postgres.

Sau khi điền xong các trường dữ liệu thì chọn **OK** để gửi

- **Cập nhật, sửa chữa thông tin đã gửi (khi cần):** Trong trường hợp dữ liệu gửi chưa đúng yêu cầu hoặc nhầm lẫn, vui lòng kiểm tra lại kết quả hiển thị ở giao diện sau khi đăng nhập tài khoản. Tại đây, người dùng có thể chọn sửa hoặc xóa thông tin đã gửi.

Sau khi gửi thông tin các đơn vị có thể đăng nhập để kiểm tra tình trạng tiếp nhận dữ liệu, nếu dữ liệu được chấp nhận sẽ được đánh dấu; trường hợp dữ liệu chưa đạt yêu cầu thì đơn vị cần bổ sung, và cập nhật đường dẫn theo góp ý tại form đã được lưu lại trên hệ thống. Ý kiến tiếp nhận bộ dữ liệu, hoặc các dữ liệu gửi lại từ phía Cục Kiểm lâm sẽ được gửi cùng trên hệ thống này. Đề nghị các đơn vị trong quá trình thực hiện thường xuyên kiểm tra.

TT	Phân loại rừng	Mã	Diện tích đầu kỳ	Diện tích thay đổi	Diện tích cuối kỳ	Đặc dụng						Phòng hộ						Sản xuất
						Cộng	Vườn quốc gia	Khu dự trữ thiên nhiên	Khu bảo tồn loài sinh cảnh	Khu bảo vệ cảnh quan	Khu rừng nghiên cứu	Cộng	Đầu nguồn	Rừng bảo vệ nguồn nước	Rừng phòng hộ biên giới	Rừng chắn gió, chắn cát	Rừng chắn sóng, lấn biển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1330																
	- Gỗ là chính	1331																
	- Tre nứa là chính	1332																
4	Rừng cau dừa	1340																
B	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	2000																
1	Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng	2010																
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	2020																
3	Diện tích khác	2030																

Ngày tháng năm

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: Các biểu tổng hợp xuất ra từ phần mềm cập nhật diễn biến rừng FRMS và chỉnh sửa, biên tập dưới định dạng Excel. Biểu tổng hợp cấp tỉnh Báo cáo Bộ NN&PTNT.

- Khu rừng nghiên cứu, gồm: Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia
- Cột (4) + Cột (5) = Cột (6) = Cột (7) + Cột (13) + Cột (19);
- Cột (5): mang giá trị âm (-) nếu diện tích giảm;
- Hàng 0000 = Hàng 1000 + Hàng 2010; Hàng 1000 = Hàng 1100 = Hàng 1200; Hàng 1110 = Hàng 1300;
- Cột (19): bao gồm diện tích rừng trồng, rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; diện tích rừng tự nhiên đang rà soát để dự kiến đưa vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo quy định Luật Lâm nghiệp; rừng trồng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

Đơn vị tính: ha

TT	Phân loại rừng	Mã	Tổng	BQL rừng ĐD	BQL rừng PH	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KH&CN,ĐT, GD	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Cộng đồng dân cư	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	UBND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
B	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	2000										
1	Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng	2010										
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	2020										
3	Diện tích khác	2030										

Ngày tháng năm
Người tổng hợp

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

Từ viết tắt trong biểu:

- UBND: Ủy ban nhân dân

- BQL: Ban quản lý;

- ĐD: Đặc dụng

- PH: Phòng hộ;

- KH&CN, ĐT, GD: Khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục

- Hàng 0000 = Hàng 1000 + Hàng 2010;

- Hàng 1000 = Hàng 1100=Hàng 1200

- Hàng 1110 = Hàng 1300

- Cột (4) = Cột (6) của Biểu số 01

- Cột (4) = Cột (5) +...+ Cột (13)

**Biểu số 03: TỔNG HỢP TỶ LỆ CHE PHỦ RỪNG
NĂM 2021**

Toàn quốc / tỉnh / huyện / xã
(Kèm theo văn bản số /KL-QLR ngày tháng năm 2021 của Cục Kiểm lâm)

Đơn vị tính: diện tích: ha;
Tỷ lệ che phủ: %

TT	Đơn vị	Tổng diện tích tự nhiên	Tổng diện tích có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		Phân loại theo mục đích sử dụng				Tỷ lệ che phủ rừng
					Diện tích rừng trồng đã thành rừng	Diện tích rừng trồng chưa thành rừng	Tổng cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng										

Ngày tháng năm
Người tổng hợp

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

Thông tin Cột (2) Đơn vị:

- Biểu toàn quốc: danh sách đơn vị tổng hợp là cấp Tỉnh;
- Biểu tỉnh: danh sách đơn vị tổng hợp là cấp huyện
- Biểu huyện: danh sách đơn vị là cấp xã
- Biểu xã: danh sách đơn vị là tiểu khu, không tính tỷ lệ che phủ cho tiểu khu (chỉ tính đến xã)

- Cột (4) = Cột (5) + Cột (6)
- Cột (8) = Cột (9) + Cột (10) + Cột (11) = Cột (5+6+7)
- Cột (12) = [Cột (4)/Cột (3)] * 100

	- Rừng ngập nước ngọt	1233										
4	Rừng trên cát	1240										
III	RỪNG TỰ NHIÊN PHÂN THEO LOÀI CÂY	1300										
1	Rừng gỗ	1310										
	- Rừng gỗ lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá	1311										
	- Rừng gỗ lá rộng rụng lá	1312										
	- Rừng gỗ lá kim	1313										
	- Rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim	1313										
2	Rừng tre nứa	1320										
	- Nứa	1321										
	- Vầu	1322										
	- Tre/luồng	1323										
	- Lô ô	1324										
	- Các loài khác	1325										
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1330										
	- Gỗ là chính	1331										
	- Tre nứa là chính	1332										
4	Rừng cau dừa	1340										
B	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	2000										
1	Diện tích đã trồng chưa thành rừng	2010										
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	2020										
3	Diện tích khác	2030										

Ngày tháng năm

Người tổng hợp

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Hàng 0000 = Hàng 1000 + Hàng 2010; Hàng 1000 = Hàng 1100=Hàng 1200; Hàng 1110 = Hàng 1300
- Cột (4) = Cột (5) của Biểu số 01; Cột (4) = Cột (5) + ...+ Cột (13)
- Diện tích rừng suy giảm thể hiện số âm; ví dụ khai thác 500 ha rừng trồng (có mã 1122) thì thể hiện là -500